

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ
PHẦN THỰC
PHẨM G.C

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
DN: C=VN, S=Đồng Nai, L=Lô V-2E, đường số 11, KCN
Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai,
Viết Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS1-902503768
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.17 15:15:43
Foxit Reader Version: 10.0.1



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 54

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C FOOD

Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") đã được đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ trang 7 đến trang 54 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 20 vào ngày 13 tháng 03 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đinh Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận. Tại ngày 12/10/2023, Chi nhánh có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 12/04/2024
Ông Phạm Hợp Phở	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 24/06/2024
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/10/2024
Bà Huỳnh Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/10/2024
Ông Lê Hoành Sừ	Thành viên độc lập HĐQT	
Ông Thái Văn Chuyên	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/04/2024 Miễn nhiệm ngày 04/10/2024

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Mai Hiên

Tổng Giám đốc

Ông Thái Văn Chuyên

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 06/03/2024

Miễn nhiệm ngày 30/07/2024

Ông Lê Trí Thông

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 09/09/2024

Bà Đồng Thị Nụ

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 09/09/2024

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngoại trừ mục 42.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này) có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thứ

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 005/2025/UHYHCM - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 7 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Hội đồng Quản trị.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 42.2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: theo Nghị quyết số 02/2025 ngày 21/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tăng tổng số lượng cổ phiếu phát hành cho người lao động theo chương trình ESOP và nâng tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 32.179.999 cổ phiếu tương đương với vốn điều lệ sau khi thay đổi là 321.799.990.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã hoàn tất việc thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số
1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.872.307.738	399.304.809.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	25.962.282.781	15.028.157.367
Tiền	111		10.962.282.781	15.028.157.367
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	35.808.038.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.808.038.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.575.530.723	303.745.410.076
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	116.669.620.035	107.689.842.815
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	132.217.288.212	185.642.568.943
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	33.640.680.089	9.721.180.299
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(35.952.057.613)	(13.308.181.981)
Hàng tồn kho	140	12	75.199.128.581	74.286.547.184
Hàng tồn kho	141		75.199.128.581	74.985.266.979
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(698.719.795)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.327.327.653	6.244.694.713
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	2.133.955.256	609.023.638
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.609.144.127	5.501.442.805
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	1.584.228.270	134.228.270
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.160.792.539	272.790.136.410
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.105.081.305	1.020.122.100
Phải thu dài hạn khác	216	10	2.105.081.305	1.020.122.100
Tài sản cố định	220		188.104.406.726	181.089.207.013
Tài sản cố định hữu hình	221	14	95.562.976.364	86.911.650.199
- Nguyên giá	222		181.551.711.729	157.770.116.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.988.735.365)	(70.858.466.613)
Tài sản cố định vô hình	227	15	92.541.430.362	94.177.556.814
- Nguyên giá	228		98.071.729.091	98.071.729.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.530.298.729)	(3.894.172.277)
Tài sản dở dang dài hạn	240		53.190.728.924	55.173.222.994
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	53.190.728.924	55.173.222.994
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	11.280.238.308	20.128.105.832
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.177.738.308	20.103.105.832
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	25.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7	1.102.500.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		14.480.337.276	15.379.478.471
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.382.465.264	15.347.968.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	97.872.012	31.509.878
TỔNG TÀI SẢN	270		665.033.100.277	672.094.945.750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		237.979.866.610	301.830.344.635
Nợ ngắn hạn	310		220.407.713.704	287.252.453.843
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	22.234.832.257	20.042.905.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	507.618.845	22.085.958
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	11.646.354.574	11.541.281.767
Phải trả người lao động	314		7.506.863.879	7.687.976.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	15.025.633.342	6.241.430.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.548.485.102	2.063.467.548
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	154.406.865.097	235.272.213.450
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	7.531.060.608	4.381.092.409
Nợ dài hạn	330		17.572.152.906	14.577.890.792
Phải trả dài hạn khác	337	23	1.581.887.015	3.201.617.188
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	2.520.000.000	3.422.550.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	18	13.470.265.891	7.953.723.604
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		427.053.233.667	370.264.601.115
Vốn chủ sở hữu	410	26	427.053.233.667	370.264.601.115
Vốn góp của chủ sở hữu	411		306.799.990.000	306.799.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306.799.990.000	306.799.990.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.943.826.420	53.525.198.670
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.902.684.441	30.003.662.094
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		60.041.141.979	23.521.536.576
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		6.309.417.247	9.939.412.445
TỔNG NGUỒN VỐN	440		665.033.100.277	672.094.945.750

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Nguyễn Thị Châu

Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	589.880.868.866	484.302.574.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	11.196.113.659	9.621.727.537
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		578.684.755.207	474.680.847.093
Giá vốn hàng bán	11	29	374.366.200.976	337.849.311.364
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.318.554.231	136.831.535.729
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.849.193.230	1.867.844.377
Chi phí tài chính	22	31	15.461.104.271	20.375.594.115
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.551.392.374	19.793.099.131
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		74.632.476	107.045.253
Chi phí bán hàng	25	32	38.932.355.427	30.282.533.209
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	67.160.367.358	46.715.061.210
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.688.552.881	41.433.236.825
Thu nhập khác	31	33	508.007.074	822.930.771
Chi phí khác	32	34	364.766.628	772.188.260
Lợi nhuận khác	40		143.240.446	50.742.511
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.831.793.327	41.483.979.336
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	16.615.309.802	11.083.438.656
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	5.450.180.153	4.096.792.341
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.766.303.372	26.303.748.339
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		67.368.298.570	28.885.964.508
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.601.995.198)	(2.582.216.169)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.969	767
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	1.878	767

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Nguyễn Thị Châu

Nguyễn Thị Châu

Nguyễn Văn Thử

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		85.831.793.327	41.483.979.336
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.194.581.992	18.133.870.606
Các khoản dự phòng	03		21.945.155.837	7.982.098.545
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(352.632.753)	(145.760.766)
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(491.602.910)	(399.615.372)
Chi phí lãi vay	06		14.551.392.374	19.793.099.131
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139.678.687.867	86.847.671.480
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(85.799.571)	(44.084.088.665)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(7.387.206.112)	(3.053.337.438)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.553.865.110	(6.510.537.371)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		758.285.241	5.703.939.813
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.551.392.374)	(19.793.099.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.118.231.579)	(6.661.458.320)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.799.702.621)	(1.362.289.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.048.505.961	11.086.801.267
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66.791.353.180)	(11.899.967.723)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		48.276.655.043	4.058.856.304
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(95.541.616.000)	(14.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.800.000.000	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.025.000.000	11.202.024.570
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		752.821.940	145.390.227
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.478.492.197)	(16.493.696.622)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		355.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3.202.024.570)
Tiền thu từ đi vay	33		475.941.168.044	467.068.260.405
Tiền trả nợ gốc vay	34		(557.709.066.397)	(453.278.856.456)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(253.250.000)	(202.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(81.666.148.353)	10.385.379.379
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.903.865.411	4.978.484.024
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	15.028.157.367	9.869.908.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.260.003	179.764.965
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	25.962.282.781	15.028.157.367

Người lập biểu

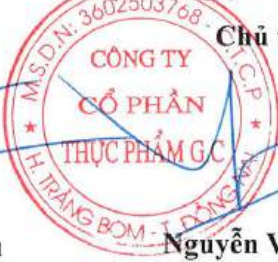
Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 20 vào ngày 13 tháng 03 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 là 321.799.990.000 đồng, được chia thành 32.179.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 845/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 26.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 260.000.000.000 đồng. Tại ngày 14 tháng 02 năm 2023, cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch bổ sung 4.679.999 cổ phiếu niêm yết tương ứng 46.799.990.000 đồng theo Quyết định số 57/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tại ngày 31/12/2024, số lượng cổ phiếu niêm yết lưu hành của Công ty là 30.679.999 cổ phiếu tương ứng với 306.799.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 là 610 người (tại 31/12/2023 là 517 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thực phẩm, hàng nông sản, giá hàng hóa đầu vào, cùng các chính sách khuyến mãi giảm giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			31/12/2024	01/01/2024
<u>Công ty con:</u>				
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,29%	99,29%
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.	88,00%	88,00%
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	0,00%	100,00%
<u>Công ty liên kết:</u>				
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	40,00%	40,00%

(*) Theo Nghị quyết của HĐQT số 24/2023/QĐ-HĐQT ngày 09/08/2023, Công ty tiến hành giải thể và chấm dứt hoạt động tại ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định về việc giải thể doanh nghiệp số 24/2023/QĐ-GC ngày 20/10/2023 của Chủ sở hữu Công ty và Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp số 01/TB-PURA ngày 20/10/2023 của Công ty. Công ty đã nhận được Thông báo số 2293/TB-CCTBTH ngày 07/02/2024 về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể lên Sở Kế hoạch Tp. Hồ Chí Minh.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm GC Food được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Tập đoàn) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (chi phí xây dựng thành phẩm bất động sản để bán) được trình bày tại chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Hội đồng Quản trị cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 35
Máy móc, thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
Tài sản cố định khác	05 – 06

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thể thương mại này.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

5.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt: 17% tính trên thu nhập chịu thuế;
- Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C Food, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam, Công ty Cổ phần Năng và Gió: 20% tính trên thu nhập chịu thuế;

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.15 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành ghi nhận trong năm.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5.16 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.16 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	297.752.053	438.704.887
Tiền gửi ngân hàng	9.793.405.728	14.589.452.480
Tiền đang chuyển	871.125.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Cộng	25.962.282.781	15.028.157.367

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, lãi suất 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	35.808.038.000	35.808.038.000	-	-
<i>Ngắn hạn</i>	35.808.038.000	35.808.038.000	-	-
- Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Việt Nam (1)	20.808.038.000	20.808.038.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Dài hạn	1.102.500.000	1.102.500.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (3)	1.102.500.000	1.102.500.000	-	-

- (1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam, bao gồm:
- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Đô-la Mỹ có tổng số tiền gốc ngoại tệ là 261.000,00 USD và không hưởng lãi suất theo quy định hiện hành.
 - Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng bằng đồng Việt Nam có tổng số tiền là 14.200.000.000 đồng với lãi suất từ 1,91-2,46%/năm
- (2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, lãi suất 5,5%/năm.
- (3) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 36 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, lãi suất 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	116.669.620.035	(31.964.762.563)	107.689.842.815	(13.280.181.981)
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	(11.600.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	21.363.932.978	(2.385.976.220)	22.423.578.978	-
- Công ty CP Sữa Việt Nam và các chi nhánh	6.577.911.709	-	4.993.002.567	-
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	8.841.677.118	-	7.401.688.500	-
- Lotte Chilsung Beverage Co.,ltd	3.528.580.800	-	4.009.795.200	-
- Ông Sứ Dương Hải	3.954.237.000	(1.977.118.500)	3.954.237.000	-
- Bà Câu Thị Tây Thi	2.996.433.500	-	3.515.186.500	-
- Ông Trịnh Phương	3.054.942.451	(916.482.735)	3.054.942.451	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	-	3.000.003.000	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Quy	2.568.302.005	-	3.434.463.005	-
- Kanematsu Corporation	1.484.700.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Uniben	1.305.720.000	-	-	-
- Sojitz Food Corp.	2.531.635.049	-	837.294.400	-
- Woongjin Foods Co.,ltd	730.051.200	-	1.901.196.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	46.131.496.225	(15.085.185.108)	37.564.455.214	(1.680.181.981)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	21.954.908.978	-	25.423.581.978	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	590.976.000	-	3.000.003.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	21.363.932.978	(2.385.976.220)	22.423.578.978	-

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã gửi đơn tố giác và được cơ quan chức năng nhận hồ sơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132.217.288.212	-	185.642.568.943	-
- Nhà cung cấp bao tiêu nguồn nguyên liệu (*)	104.666.023.200	-	162.745.310.192	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	27.551.265.012	-	22.897.258.751	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	30.683.088.733	-	-	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	1.244.007.533	-	-	-
- Công ty TNHH Trang trại Xanh Phú Hòa	29.439.081.200	-	-	-

(*) Khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp truyền thống nông dân, hộ kinh doanh cá thể bao tiêu mua nông sản nhà đam, dừa, bắp... tại Ninh Thuận và Bến Tre. Số dư tại ngày 31/12/2024, chi tiết như sau:

- Khoản ứng cho các hộ bao tiêu nhà đam tại Ninh Thuận chưa đến kỳ thu hoạch với số tiền là 83.685.081.200 đồng.
- Khoản ứng cho các hộ bao tiêu dừa tại Bến Tre chưa đến kỳ thu hoạch với số tiền là 20.980.942.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	33.640.680.089	(3.959.295.050)	9.721.180.299	-
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>29.059.450.449</i>	<i>-</i>	<i>4.910.336.075</i>	<i>-</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>4.581.229.640</i>	<i>(3.959.295.050)</i>	<i>4.748.763.132</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô (1)	3.959.295.050	(3.959.295.050)	3.959.295.050	-
- Phải thu lãi cho vay	-	-	299.178.082	-
- Phải thu khác	621.934.590	-	490.290.000	-
<i>c. Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>62.081.092</i>	<i>-</i>
Dài hạn	2.105.081.305	-	1.020.122.100	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (2)	2.105.081.305	-	1.020.122.100	-
+ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận	300.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.805.081.305	-	-	-
Cộng	35.745.761.394	(3.959.295.050)	10.741.302.399	-

(1) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resortc-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư, có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngoài ra, số tiền thu nhập cam kết và vi phạm hợp đồng phải thu là 1.563.747.791 đồng theo Thông báo này chưa đủ điều kiện ghi nhận trên báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(2) Là các khoản ký cược, ký quỹ chi tiết sau:

- Ký quỹ thuê văn phòng tại 11C Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh là 180.000.000 đồng;
- Ký quỹ làm dự án cho Sở Kế Hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận là 300.000.000 đồng;
- Ký quỹ L/C tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận là 906.480.000 đồng;
- Ký quỹ thực hiện dự án phát triển cây nha đam tại tỉnh Ninh Thuận là 718.601.305 đồng.

11. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	3.959.295.050	(3.959.295.050)	-	3.959.295.050	-	3.959.295.050
Các khoản khác	36.225.602.651	(20.392.762.563)	15.832.840.088	3.684.260.465	(1.708.181.981)	1.976.078.484
Cộng	51.784.897.701	(35.952.057.613)	15.832.840.088	19.243.555.515	(13.308.181.981)	5.935.373.534

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.171.853.890	-	14.997.920.390	-
Công cụ dụng cụ	1.882.524.989	-	2.071.955.681	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	27.470.186.379	-	32.612.629.075	-
Thành phẩm	29.985.792.703	-	24.175.917.596	(698.719.795)
Hàng hoá	1.688.770.620	-	1.126.844.237	-
Cộng	75.199.128.581	-	74.985.266.979	(698.719.795)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại Công ty chủ yếu là các loại nông sản như: nho, ổi, táo, dưa lưới... đang trong giai đoạn sắp đến ngày thu hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.133.955.256	609.023.638
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.350.391.603	139.704.728
- Chi phí sửa chữa văn phòng	61.633.871	4.967.001
- Bảo hiểm xe	5.631.168	-
- Chi phí phần mềm	39.749.531	71.671.502
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	110.933.331	50.614.471
- Chi phí trả trước khác	565.615.752	342.065.936
Dài hạn	14.382.465.264	15.347.968.593
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.896.039.607	2.825.585.827
- Chi phí trả trước của nông trại	-	305.544.127
- Chi phí đầu tư ban đầu trồng trọt	1.991.500.627	2.897.690.930
- Chi phí thuê đất	154.348.675	377.486.683
- Chi phí di dời layout	436.930.464	-
- Chi phí cải tạo nền bê tông	117.614.200	-
- Lợi thế quyền thuê đất (*)	7.178.967.744	7.491.096.776
- Chi phí trả trước khác	1.607.063.947	1.450.564.250
Cộng	16.516.420.520	15.956.992.231

(*) Lợi thế quyền thuê đất có thời hạn 31 năm tại KCN Hồ Nai, Đồng Nai từ ngày 27/12/2016 đến ngày 27/12/2047).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2024	80.417.026.389	49.181.433.479	10.239.181.694	137.239.950	7.389.282.363	10.405.952.937	157.770.116.812
- Mua trong năm	645.185.615	7.639.066.645	5.241.900.000	41.363.636	-	2.521.982.000	16.089.497.896
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.190.278.866	4.707.534.186	-	-	-	229.057.159	9.126.870.211
- Thanh lý, nhượng bán	(327.872.042)	(272.761.892)	(438.954.546)	-	-	(395.184.710)	(1.434.773.190)
Tại 31/12/2024	84.924.618.828	61.255.272.418	15.042.127.148	178.603.586	7.389.282.363	12.761.807.386	181.551.711.729
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại 01/01/2024	(26.396.811.154)	(29.920.868.109)	(4.902.434.951)	(137.239.950)	(6.400.574.539)	(3.100.537.910)	(70.858.466.613)
- Khấu hao trong năm	(4.627.762.666)	(7.624.624.462)	(1.426.212.631)	(8.272.728)	(1.400.935.920)	(1.470.647.133)	(16.558.455.540)
- Thanh lý, nhượng bán	327.872.042	272.761.892	438.954.546	-	-	388.598.308	1.428.186.788
Tại 31/12/2024	(30.696.701.778)	(37.272.730.679)	(5.889.693.036)	(145.512.678)	(7.801.510.459)	(4.182.586.735)	(85.988.735.365)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2024	54.020.215.235	19.260.565.370	5.336.746.743	-	988.707.824	7.305.415.027	86.911.650.199
Tại 31/12/2024	54.227.917.050	23.982.541.739	9.152.434.112	33.090.908	(412.228.096)	8.579.220.651	95.562.976.364

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 31.213.085.316 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 25.996.191.199 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024: 21.111.736.206 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 24.077.809.042 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024	97.609.820.000	461.909.091	98.071.729.091
Tại 31/12/2024	97.609.820.000	461.909.091	98.071.729.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2024	(3.608.180.336)	(285.991.941)	(3.894.172.277)
- Khấu hao trong năm	(1.489.477.956)	(146.648.496)	(1.636.126.452)
Tại 31/12/2024	(5.097.658.292)	(432.640.437)	(5.530.298.729)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	94.001.639.664	175.917.150	94.177.556.814
Tại 31/12/2024	92.512.161.708	29.268.654	92.541.430.362

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là: 88.904.776.386 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 88.904.776.386 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định (*)	45.595.187.636	920.827.460
Mua đất xây văn phòng và làm trang trại (**)	-	48.232.109.589
Chi phí xây dựng cơ bản khác	7.595.541.288	6.020.285.945
Cộng	53.190.728.924	55.173.222.994

(*) Chủ yếu là khoản Công ty nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1149 tờ bản đồ số 02, diện tích 772 m² đất tại Phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 27/12/2024. Đến thời điểm này đã hoàn tất thủ tục sang tên cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt (Công ty con).

(**) Đầu tư dự án mua đất phát triển làm vùng nguyên liệu: Công ty Cổ phần Năng và Gió nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa Số 99, 111, 106, 126, 133 Tờ bản đồ địa chính số 73 Thôn Mỹ Hiệp, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, thửa Số 167, 168, 169, 172, 173, tờ bản đồ địa chính 71, thửa Số 27, 28, 29, 41, 42, 43, 44, 45, 90, 164, 166, 184 Tờ bản đồ địa chính 70, 71 Thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận để thực hiện Dự án trồng trọt và chăn nuôi. Công ty đã gửi văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận để tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển đổi sang tên. Trong năm 2024, Công ty đã thu lại toàn bộ số tiền đã đầu tư và hoàn tất thanh lý hợp đồng với các cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2024 (VND)		Tại 01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.000.000.000	10.177.738.308	20.000.000.000	20.103.105.832
+ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (*)	10.000.000.000	10.177.738.308	20.000.000.000	20.103.105.832
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	25.000.000	25.000.000
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm	-	-	25.000.000	25.000.000

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 ngày 07 tháng 04 năm 2022 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 20.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn số tiền 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2024/HĐCNCP-NĐSP ngày 05/07/2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 20%. Công ty này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
a Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	97.872.012	31.509.878
Cộng	97.872.012	31.509.878
b Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	13.470.265.891	7.953.723.604
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi	-	-
Cộng	13.470.265.891	7.953.723.604

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	22.234.832.257	22.234.832.257	20.042.905.883	20.042.905.883
- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	1.946.700.000	1.946.700.000	2.042.995.500	2.042.995.500
- CN Công ty CP Đường Quảng Ngãi - Nhà máy Đường An Khê	194.750.000	194.750.000	-	-
- Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật OP Pack	127.380.000	127.380.000	-	-
- Công ty TNHH MTV SM TM Khởi Phát	1.498.651.800	1.498.651.800	-	-
- Công ty TNHH Ojtex (Việt Nam) - Chi nhánh Long Thành	1.297.620.000	1.297.620.000	-	-
- Công ty TNHH Accredo Asia	1.075.595.760	1.075.595.760	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Long Sơn	728.676.000	728.676.000	-	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Minh Tấn Phát	21.546.000	21.546.000	1.248.737.008	1.248.737.008
- Công ty TNHH DNP Việt Nam	914.749.200	914.749.200	-	-
- Công ty TNHH Kỹ Thuật CKT	965.167.800	965.167.800	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	371.478.400	371.478.400	1.115.420.053	1.115.420.053
- Trung tâm Khai Thác Hạ Tầng & Hỗ Trợ Đầu Tư	90.967.427	90.967.427	1.020.262.677	1.020.262.677
- Phải trả người bán khác	13.001.549.870	13.001.549.870	12.918.940.299	12.918.940.299
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.234.000	3.234.000	1.210.504.519	1.210.504.519
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.234.000	3.234.000	1.192.704.519	1.192.704.519
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	-	-	17.800.000	17.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	507.618.845	507.618.845	22.085.958	22.085.958
- Chatchafoods Co.,Ltd.	180.754.185	180.754.185	-	-
- Người mua ứng trước khác	326.864.660	326.864.660	22.085.958	22.085.958
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2024		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2024	
	Phải trả	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải trả	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	1.580.899.584	117.912.152	14.928.690.257	14.042.048.466	694.257.793	117.912.152
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	199.582.329	199.582.329	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	9.490.127.897	1.466.316.118	16.615.309.802	19.118.231.579	10.543.049.674	16.316.118
- Thuế thu nhập cá nhân	575.327.093	-	2.250.486.635	1.979.133.842	303.974.300	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	567.570.009	567.570.009	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	11.974.720	11.974.720	-	-
Cộng	11.646.354.574	1.584.228.270	34.573.613.752	35.918.540.945	11.541.281.767	134.228.270

(*) Số thuế còn phải thu là của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C Food.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí mua hàng	4.501.391.454	-
- Chi phí lương, thưởng	6.627.428.709	1.489.971.223
- Chi phí đào tạo	1.272.000.000	-
- Trích trước chi phí vận chuyển	673.705.104	-
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	76.665.760	624.081.340
- Các khoản trích trước khác	1.874.442.315	4.127.377.812
Cộng	15.025.633.342	6.241.430.375

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.548.485.102	2.063.467.548
- Kinh phí công đoàn	87.158.222	94.195.710
- Phải trả cổ tức	383.000.000	193.250.000
- Phải trả, phải nộp khác	56.286.880	799.621.838
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.022.040.000	976.400.000
Dài hạn (*)	1.581.887.015	3.201.617.188
- Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Ninh Thuận	86.657.460	414.417.188
- Văn Phòng Chương Trình Nông Thôn Miền Núi	1.495.229.555	2.787.200.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả khác là các bên liên quan	-	-
Cộng	3.130.372.117	5.265.084.736

(*) Công ty nhận kinh phí thực hiện dự án “Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô (Invitro) nhân giống cây Nha đam sạch bệnh và xây dựng mô hình sản xuất chuyên canh cây Nha đam phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại tỉnh Ninh Thuận” theo Quyết định số 2254/QĐ-BKHCHN ngày 20/08/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2024		Trong năm		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	154.406.865.097	154.406.865.097	473.849.718.044	554.715.066.397	235.272.213.450	235.272.213.450
a. Vay ngắn hạn ngân hàng	153.776.865.097	153.776.865.097	472.791.168.044	552.227.716.397	233.213.413.450	233.213.413.450
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư (1)	4.049.280.720	4.049.280.720	31.260.634.943	76.332.668.247	49.121.314.024	49.121.314.024
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (2)	31.456.222.757	31.456.222.757	98.293.142.858	120.452.287.211	53.615.367.110	53.615.367.110
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (3)	40.975.801.930	40.975.801.930	121.867.903.513	171.398.856.399	90.506.754.816	90.506.754.816
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (4)	18.300.000.000	18.300.000.000	55.254.910.190	56.954.910.190	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng Shinhan Việt Nam - CN Đồng Nai (5)	26.253.071.460	26.253.071.460	72.011.566.584	65.728.472.624	19.969.977.500	19.969.977.500
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. HCM (6)	25.009.969.030	25.009.969.030	86.370.490.756	61.360.521.726	-	-
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (7)	7.732.519.200	7.732.519.200	7.732.519.200	-	-	-
b. Vay dài hạn đến hạn trả	630.000.000	630.000.000	1.058.550.000	1.987.350.000	1.558.800.000	1.558.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	-	-	428.550.000	818.550.000	390.000.000	390.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	-	727.200.000	727.200.000	727.200.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	-	-	-	441.600.000	441.600.000	441.600.000
- Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (8)	630.000.000	630.000.000	630.000.000	-	-	-
c. Vay cá nhân	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Ông Võ Thành Trự	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn	2.520.000.000	2.520.000.000	3.150.000.000	4.052.550.000	3.422.550.000	3.422.550.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	-	-	-	428.550.000	428.550.000	428.550.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	1.905.800.000	1.905.800.000	1.905.800.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	-	-	-	1.088.200.000	1.088.200.000	1.088.200.000
- Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (8)	2.520.000.000	2.520.000.000	3.150.000.000	630.000.000	-	-
Cộng	156.926.865.097	156.926.865.097	476.999.718.044	558.767.616.397	238.694.763.450	238.694.763.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/11246269/HĐTD ngày 31/12/2024 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/11246269/HĐTD ngày 05/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 70 tỷ đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng cụ thể sau:
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2022/11246269/HĐBĐ ngày 08/06/2022;
 - + Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số 01/2023/11246269/HĐBĐ ngày 05/12/2023;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/11246269/HĐBĐ ngày 05/12/2023.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 61/2024-HĐCVHM/NHCT682-VNCC ngày 07/08/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN KCN Biên Hòa và Công ty, cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2023-HĐCVHM/NHCT682-VNCC ngày 11/07/2023.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay: Theo từng Giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thể hiện:
 - + Hợp đồng thế chấp số NHAXUONGCOCO/2019/HĐBĐ/NHCT682 ngày 17/01/2019;
 - + Hợp đồng thế chấp số MMTB/2019/HĐBĐ/NHCT2019 ngày 23/04/2019;
 - + Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ/NHCT682-MMTB-VNCC ngày 04/11/2019;
 - + Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ/NHCT682-VNCC-Q.2 ngày 30/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm; và văn bản bảo lãnh ngày 30/10/2019;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT682-MMTB-VNCC ngày 01/12/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT682-BINHTHUAN ngày 13/6/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Văn bản bảo lãnh ngày 13/6/2022;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 61/2024-HĐCVHM/NHCT682-VNCC ngày 07/08/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty, cụ thể như sau (tiếp):

+ Hợp đồng thế chấp số 02/2023/HĐBĐ/NHCT682-NVTHU.BRVT ngày 02/08/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm.

+ Hợp đồng thế chấp số 02/2023/HĐBĐ/NHCT682-NVTHU.BRVT.46 ngày 02/08/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm.

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 200019/2024-HĐCVHM/NHCT610-CĐV ngày 15/03/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận với Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 62 tỷ đồng;

- Thời hạn vay: theo từng Giấy nhận Nợ, nhưng không quá 06 tháng;

- Lãi suất vay: theo từng Giấy nhận Nợ;

- Mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất chế biến nha đam;

- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 49011/2022/HĐBĐ/NHCT610 ngày 15/08/2022, thế chấp QSD đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 70; tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã EA Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk;

+ Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 49012/2022/HĐBĐ/NHCT610 ngày 15/08/2022, thế chấp QSD đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 71; tờ bản đồ số 53 tại địa chỉ: xã EA Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk;

+ Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 200019/2024/HĐBĐ/NHCT610 ngày 14/03/2024, thế chấp toàn bộ hàng hoá thuộc quyền sở hữu của Công ty;

+ Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 200020/2024/HĐBĐ/NHCT610 ngày 14/03/2024, thế chấp các quyền tài sản (quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ);

+ Hợp đồng bảo đảm số 230001/2017/HĐBĐ ngày 10/02/2017, thế chấp nhà xưởng sản xuất chế biến nha đam tại thửa đất số 1 tờ bản đồ số: 52 thuộc Khu Công nghiệp Thành Hải, xã Thành Hải, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;

+ Hợp đồng bảo đảm số 230002/2017/HĐBĐ ngày 10/02/2017, thế chấp máy móc thiết bị chế biến nha đam (Hệ thống máy số 1);

+ Hợp đồng bảo đảm số 230006/2019/HĐBĐ/NHCT610 ngày 22/02/2019, thế chấp máy móc thiết bị chế biến nha đam (Hệ thống máy số 2);

+ Hợp đồng bảo đảm số 230007/2020/HĐBĐ/NHCT610 ngày 25/06/2020, thế chấp máy móc thiết bị chế biến nha đam (Hệ thống máy số 3);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0177/NTH/150324/HM ngày 15/03/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Ninh Thuận với Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 20 tỷ đồng;
- Thời hạn vay: theo từng Giấy nhận Nợ, nhưng không quá 05 tháng;
- Lãi suất vay: theo từng Giấy nhận Nợ;
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số 0035/2022/NTH ngày 12/01/2022, thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 472043 -Thửa số 10 tờ bản đồ số 86 thôn 3, xã Tân Tân Phúc, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình;
 - + Hợp đồng thế chấp số 0036/2022/NTH ngày 12/01/2022, thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thuộc thôn Sơn Hải 2, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận;
 - + Hợp đồng thế chấp số 0700/2022/NTN ngày 21/12/2022, thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH604424;

(5) Là khoản vay theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 130-004-784205/01 ngày 26/4/2024 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 130-004-784205 ngày 27/10/2023 giữa Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 42 tỷ đồng
- Thời hạn vay: gia hạn đến hết ngày 26/10/2025
- Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng cụ thể sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-17 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông/bà Nguyễn Văn Thứ/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-17/01 ngày 02/05/2024.
 - + Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-14 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông/bà Nguyễn Văn Thứ/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-14/01 ngày 02/05/2024.
 - + Hợp đồng cầm cố cổ phiếu doanh nghiệp số: SHBVN/DN/2024/HDCC-11 ngày 26/04/2024 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông Nguyễn Thành Chung.
 - + Hợp đồng bảo lãnh số: SHBVN/DN/2024/HDBL-002 ngày 02/05/2024 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông Nguyễn Văn Thứ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(6) Là khoản vay theo Thư cấp tín dụng số tham chiếu BFL-ME/24-07 ngày 09/04/2024 giữa Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty, cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng.
- Thời hạn cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ.
- Lãi suất vay: Theo từng Giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng.
- Tài sản đảm bảo là tất cả tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn hiện hữu hoặc được gửi bởi Công ty tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cầm cố tài khoản và tiền gửi số: PL-ME/24-09 ngày 09/04/2024 giữa Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C – Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt – Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam.

(7) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 20241115/HDTD/QLN kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số: 20241115/HDTD/QLN, Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số: 20241115/HMLC/QLN, Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số: 20241115/HMBL/QLN ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 35 tỷ đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số: 2024101/HDBD/QLN ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

(8) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 130-005-458504 ngày 26/11/2024 giữa Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 3.150.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 05 năm, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên
- Lãi suất vay: lãi suất cố định 7,9%/năm trong khoảng thời gian 03 năm kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên
- Mục đích vay: mua xe ô tô
- Tài sản thế chấp là chính chiếc xe mua theo hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2024/HDTC-22 ngày 26/11/2024. Giá trị TSBĐ được định giá là 4.428.181.818 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm
- Tăng trong năm
- Chi quỹ trong năm
Số cuối năm

Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
4.381.092.409	378.953.578
6.949.670.820	5.364.427.932
3.799.702.621	1.362.289.101
7.531.060.608	4.381.092.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2023	260.000.000.000	76.803.652.094	12.976.878.614	349.780.530.708
- Lợi nhuận trong năm	-	28.885.964.508	(2.582.216.169)	26.303.748.339
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2023	-	(5.364.427.932)	-	(5.364.427.932)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(455.250.000)	(455.250.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	46.799.990.000	(46.799.990.000)	-	-
Tại 31/12/2023	306.799.990.000	53.525.198.670	9.939.412.445	370.264.601.115
Tại 01/01/2024	306.799.990.000	53.525.198.670	9.939.412.445	370.264.601.115
- Lợi nhuận trong năm	-	67.368.298.570	(3.601.995.198)	63.766.303.372
- Tăng vốn tại công ty con	-	-	355.000.000	355.000.000
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(383.000.000)	(383.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	(6.949.670.820)	-	(6.949.670.820)
Tại 31/12/2024	306.799.990.000	113.943.826.421	6.309.417.247	427.053.233.668

(*) Chia cổ tức bằng tiền tại các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

26.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	122.720.000.000	40,00%	122.720.000.000
Công ty Cổ phần nguyên liệu Á Châu AIG (*)	44,50%	136.526.000.000	0,00%	-
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	0,00%	-	19,23%	59.001.180.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.956.000.000	1,62%	4.956.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	5.143.620.000	1,68%	5.143.620.000
Các cổ đông khác	12,21%	37.454.370.000	37,47%	114.979.190.000
Cộng	100%	306.799.990.000	100%	306.799.990.000

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần nguyên liệu Á Châu AIG đã mua cổ phần từ các Công ty và cá nhân khác để sở hữu tỷ lệ 44,5% tương đương với 136.526.000.000 đồng.

26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	306.799.990.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	46.799.990.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	306.799.990.000	306.799.990.000
Cổ tức chia bằng cổ phiếu	-	46.799.990.000

26.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.679.999	30.679.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.679.999	30.679.999
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.999	30.679.999
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.679.999	30.679.999
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.999	30.679.999
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

27. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	1.271.041.781	50.155,72	1.473.173.243	61.258,92
RUB	1.420.241	6,547.00	1.364.445	5,615.00

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a. Tổng Doanh thu	589.880.868.866	484.302.574.630
- Doanh thu bán hàng hóa	589.224.335.827	483.571.742.248
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	41.956.364
- Doanh thu bán điện mặt trời	656.533.039	688.876.018
b. Doanh thu với các bên liên quan	3.696.996.148	1.571.388.022
- Công ty Cổ phần Thủy Sản Mũi Dinh	-	115.000.000
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.490.137.037	238.155.559
- Công ty Cổ phần NGK Nhiệt đới Sài Gòn	111.111.111	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	95.748.000	1.218.232.463
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	11.196.113.659	9.621.727.537
- Chiết khấu thương mại	10.881.496.489	6.570.712.015
- Hàng bán bị trả lại	265.803.210	647.280.111
- Giảm giá hàng bán	48.813.960	2.403.735.411

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	374.052.175.884	336.635.762.444
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	136.105.184
Giá vốn bán điện mặt trời	314.025.092	378.723.941
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	698.719.795
Cộng	374.366.200.976	337.849.311.364

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	453.643.858	444.568.309
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.017.358.005	1.268.337.302
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	378.191.367	145.760.766
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.178.000
Cộng	2.849.193.230	1.867.844.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.551.392.374	19.793.099.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	884.153.283	579.276.205
Lỗ chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	25.558.614	-
Chiết khấu thanh toán	-	2.951.380
Chi phí tài chính khác	-	267.399
Cộng	15.461.104.271	20.375.594.115

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	38.932.355.427	30.282.533.209
- Chi phí nhân viên bán hàng	4.298.111.426	3.558.827.937
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.576.982.038	1.180.549.622
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	203.322.257	93.331.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.637.631.213	24.690.634.156
- Chi phí bằng tiền khác	1.216.308.493	759.189.656
Chi phí quản lý doanh nghiệp	67.160.367.358	46.715.061.210
- Chi phí nhân viên quản lý	24.065.175.501	23.392.995.305
- Chi phí vật liệu, bao bì	327.654.109	272.511.814
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	285.092.083	934.069.084
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.055.854.144	2.420.878.719
- Thuế, phí và lệ phí	250.446.543	867.244.489
- Chi phí dự phòng	23.567.165.314	7.283.378.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.474.202.679	6.825.165.524
- Chi phí bằng tiền khác	4.134.776.985	4.718.817.525

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	44.545.454	90.909.090
Lãi thanh lý CCDC	99.260.000	30.567.083
Thu nhập khác	364.201.620	701.454.598
Cộng	508.007.074	822.930.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	6.586.402	200.302.545
Thanh lý CCDC	-	3.429.287
Tiền phạt thuế và vi phạm hành chính khác	199.852.503	24.286.457
Chi phí khác	158.327.723	544.169.971
Cộng	364.766.628	772.188.260

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	252.973.229.771	246.072.723.701
Chi phí nhân công	99.737.776.378	83.108.418.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.558.455.540	18.133.870.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.929.594.368	48.200.787.900
Chi phí bằng tiền khác	30.126.261.559	24.293.421.607
Cộng	460.325.317.616	419.809.222.255

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.831.793.327	41.483.979.336
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	4.454.317.657	4.922.401.128
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	4.554.558.071	26.332.866.404
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(100.240.414)	(21.410.465.277)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	90.286.110.985	46.406.380.464
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	49.835.055.735	29.593.344.424
Thu nhập tính thuế với thuế suất 17%	38.959.510.295	16.813.036.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.590.127.896	11.193.049.674
Chi phí thuế TNDN bổ sung các năm trước	25.181.906	(109.611.018)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.615.309.802	11.083.438.656

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.450.180.153	4.096.792.341
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.450.180.153	4.096.792.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	67.368.298.570	28.885.964.508
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(6.949.670.820)	(5.364.427.932)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	30.679.999	30.679.990
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.969	767

39. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	67.368.298.570	28.885.964.508
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(6.949.670.820)	(5.364.427.932)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	30.679.999	30.679.990
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) (*)	1.500.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	1.878	767

(*) Tại ngày 21/02/2025, theo Nghị quyết số 02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tăng tổng số lượng cổ phiếu phát hành cho người lao động theo chương trình ESOP và nâng tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 32.179.999 cổ phiếu tương đương với vốn điều lệ sau khi thay đổi là 321.799.990.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2024	Bán hàng hóa VND	Bán điện mặt trời VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	578.028.222.168	656.533.039	578.684.755.207
Giá vốn bộ phận	(374.052.175.884)	(314.025.092)	(374.366.200.976)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	203.976.046.284	342.507.947	204.318.554.231
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(106.092.722.785)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			98.225.831.446
Doanh thu hoạt động tài chính			2.849.193.230
Chi phí tài chính			(15.461.104.271)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			74.632.476
Thu nhập khác			508.007.074
Chi phí khác			(364.766.628)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16.615.309.802)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.450.180.153)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			63.766.303.372
Tổng Tài sản			665.033.100.277
Tổng Nợ phải trả			237.979.866.610

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2023	Bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Điện mặt trời VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	473.950.014.711	41.956.364	688.876.018	474.680.847.093
Giá vốn bộ phận	(337.334.482.239)	(136.105.184)	(378.723.941)	(337.849.311.364)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	136.615.532.472	(94.148.820)	310.152.077	136.831.535.729
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(76.997.594.419)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				59.833.941.310
Doanh thu hoạt động tài chính				1.867.844.377
Chi phí tài chính				(20.375.594.115)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				107.045.253
Thu nhập khác				822.930.771
Chi phí khác				(772.188.260)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.083.438.656)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(4.096.792.341)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				26.303.748.339
Tổng Tài sản				672.094.945.750
Tổng Nợ phải trả				301.830.344.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Thành viên HĐQT là đại diện pháp luật
Công ty Cổ Phần Fesdy	Thành viên HĐQT là đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên HĐQT độc lập

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
1. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	590.976.000	3.000.003.000
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	3.234.000	1.192.704.519
- Trả trước cho người bán	1.244.007.533	-
2. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.363.932.978	22.423.578.978
- Phải trả tiền mua hàng hóa	-	17.800.000
3. Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa		
- Trả trước cho người bán	29.439.081.200	-
4. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	8.466.163.946	1.965.509.871
- Phải trả khác	211.000.000	138.625.000
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	1.598.231.000	351.440.150
6. Bà Bùi Thị Mai Hiền		
- Tạm ứng	7.901.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	-	66.625.000
7. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	7.899.999.924	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
1. Công ty Cổ phần NGK Nhiệt đới Sài Gòn		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	111.111.111	45.125.640
- Thanh toán tiền mua hàng	120.000.000	-
2. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	3.490.137.037	238.155.559
- Mua hàng hóa, dịch vụ	23.119.763.240	10.956.565.516
- Cho mượn tiền	-	3.870.087.705
3. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	111.500.000
- Thanh lý tài sản	-	503.788.923
- Góp vốn	-	4.000.000.000
- Chuyển nhượng cổ phần	-	4.000.000.000
4. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	95.748.000	1.218.232.463
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	219.462.500
- Thanh lý tài sản	-	20.462.062.657
- Góp vốn	-	4.000.000.000
- Chuyển nhượng cổ phần	-	4.000.000.000
- Cho mượn	-	50.000.000
- Thu tiền cho mượn	-	50.000.000
5. Công ty TNHH Trang trại Xanh Phú Hòa		
- Trả trước cho người bán	29.439.081.200	-
- Thu hồi nguyên liệu	39.450.000	-
6. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Chia cổ tức	211.000.000	117.000.000
- Trả cổ tức	138.625.000	87.625.000
- Tạm ứng	122.099.894.023	72.727.927.987
- Hoàn tạm ứng	115.639.767.948	71.822.418.116
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	43.000.000.000	-
- Thanh toán nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	43.000.000.000	-
7. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	1.502.966.027	602.709.300
- Hoàn tạm ứng	1.816.175.177	1.819.429.150
- Mượn tiền	-	1.699.327.360
- Trả tiền mượn	-	1.351.930
8. Bà Bùi Thị Mai Hiền		
- Tạm ứng	-	50.000.000
- Hoàn tạm ứng	215.000.000	3.700.000
- Trả cổ tức	66.625.000	66.625.000
- Chia cổ tức	85.000.000	-
9. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	8.075.000.000	102.592.534
- Hoàn tạm ứng	175.000.076	93.202.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	698.970.647	617.191.250
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	462.391.664	374.388.750
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	746.996.957	649.886.058
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	736.863.812	622.285.999
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	84.000.000	84.000.000
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên	72.000.000	72.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	72.000.000	72.000.000
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	72.000.000	72.000.000
- Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
- Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban	48.000.000	49.999.995
- Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	30.000.000	31.666.668
Cộng		3.095.223.080	2.717.418.720

42. THÔNG TIN KHÁC

42.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Ông Nguyễn Thanh Tùng ký ngày 11/09/2023. Thời gian thuê 04 năm 04 tháng từ 11/09/2023 đến 11/01/2028. Giá thuê 02 năm đầu (từ 12/01/2022 đến 11/01/2025) là 87.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/01/2025 đến 11/01/2027) là 95.700.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/01/2027 đến 11/01/2028) là 100.485.000 đồng/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

42. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

42.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 21/02/2025, theo Nghị quyết số 02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tăng tổng số lượng cổ phiếu phát hành cho người lao động theo chương trình ESOP, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành là 1.500.000 cổ phiếu tương đương với giá trị vốn góp tăng thêm là 15.000.000.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 32.179.999 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng người lao động được phân phối: 116 người;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Đến ngày 13/03/2025, vốn điều lệ Công ty là 321.799.990.000 đồng được chia thành 32.179.999 cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20.

Ngoài sự kiện nêu trên Công ty không có sự kiện nào khác phát sinh có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

42.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

42.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch



Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thử